UBND HUYỆN GIA LỘC

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**Tên sáng kiến*:*** Một số biện pháp dạy từ đồng âm, từ nhiều nghĩa, phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa

**Bộ môn:**Tiếng Việt

**Cấp học:** Tiểu học

**Năm học 2022 – 2023**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

1. Tên sáng kiến: Một số biện pháp dạy từ đồng âm, từ nhiều nghĩa, phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa

2.Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:Phân môn Luyện từ và câu - môn Tiếng Việt lớp 5.

3. Tác giả:

Họ và tên: Lê Văn Việt Nam (nữ): Nam

Ngày tháng/năm sinh: 14/04/1998

Trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên trường Tiểu học Yết Kiêu

Điện thoại: 0975807911

4.Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường Tiểu học Yết Kiêu – Xã Yết Kiêu - Tỉnh Hải Dương - Điện thoại :

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có) : Trường Tiểu học Yết Kiêu – Xã Yết Kiêu - Tỉnh Hải Dương - Điện thoại :

6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

- Giáo viên thường xuyên thảo luận, rút kinh nghiệm cùng đồng nghiệp.

- Giáo viên phải nhiệt tình, say mê với nghề, tận tụy với học sinh, thường xuyên tìm tòi, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến sáng kiến để có sáng kiến áp dụng đạt hiệu quả.

- Học sinh phải say mê, chịu khó, tìm tòi, sáng tạo. Có ý thức học tập; biết học hợp tác theo nhóm, tổ. Học sinh cần có đủ sách giáo khoa và các đồ dùng học tập cần thiết.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phải đảm bảo, đủ điều kiện để phục vụ việc dạy - học.

- Học sinh phải được rèn luyện thường xuyên, có hệ thống.

- Người thực hiện phải có sự đầu tư rất công phu và phải có thời gian thực hiện khá lâu dài.

7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Năm học 2022-2023

8. Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền

|  |  |
| --- | --- |
| **HỌ TÊN TÁC GIẢ (KÝ TÊN)**  Lê Văn Việt | **XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** |

**PHỤ LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trang** |
| **Phần 1**  **Phần 2**  **Phần 3**  **Phần 4** | **Thông tin chung về sáng kiến**  **Tóm tắt sáng kiến**  **Mô tả sáng kiến**  1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến  2. Cơ sở lý luận của vấn đề  3.Chủ đầu tư sáng kiến  4. Thực trạng của vấn đề  4.1 : Thuận lợi và khó khăn  4.2 : Những biện pháp cũ thường thực hiện và kiểm tra khảo sát chất lượng  5. Các biện pháp thực hiện  5.1: Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách sử dụng tranh ảnh, vật thật để minh họa cho nghĩa của từ  5.2 : Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách đặt từ vào văn cảnh để hiểu đúng nghĩa của từ.  5.3:Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách dùng bảng hệ thống phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.  5.3.1:Dựa vào khái niệm để phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa  5.3.2Dựa vào nguồn gốc để phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa  5.3.3. Dựa vào từ loại để xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa  5.4: Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách thành lập bảng những từ đồng âm, từ nhiều nghĩa để mở rộng vốn từ cho học sinh.  5.4.1 : Một số thẻ từ về từ đồng âm  5.4.2: Một số thẻ từ về từ nhiều nghĩa  5.5:Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách thường xuyên đưa những câu văn, đoạn văn, bài đọc có chứa từ đồng âm, nhiều nghĩa trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa.  6. Kết quả đạt được  7.Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng  **Kết luận và kiến nghị**  1.Bài học kinh nghiệm  2. Kết luận  3. Đề xuất và khuyến nghị  **Tài liệu tham khảo** | 1  1  3  3  4  4  5  7  7  8  9  10  11  12  16  16  18  21  23  25  27  28 |

**Phần 1**

**TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã nói:

***“Vì lợi ích mười năm trồng cây***

***Vì lợi ích trăm năm trồng người”***

Câu nói của Bác Hồ vẫn sống mãi với thời gian và vẫn luôn là điều tâm đắc đối với giáo viên chúng ta.

Trồng người là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, trong đó ngành giáo dục giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Bởi vì, giáo dục là nền móng vững chắc cho những mầm non của đất nước vươn lên cho những em học sinh thân yêu của chúng ta, có đầy đủ hành trang sẵn sàng bước vào thế kỉ mới, thế kỉ khởi đầu bằng nền Công nghiệp hóa - hiện đại hóa,... và đó cũng là nguồn lực chủ đạo trong công cuộc xây dựng bảo vệ nước nhà.

Tôi viết sáng kiến nhằm góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường nói chung, dạy cho học sinh lớp Năm học tốt môn Tiếng Việt nói riêng.

- Xuất phát từ việc học sinh còn nhầm lẫn giữa từ đồng âm và từ nhiều nghĩa, tôi mạnh dạn nghiên cứu sáng kiến: ***“Một số biện pháp dạy từ đồng âm, từ nhiều nghĩa, phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa”*** từ đầu năm học 2019-2020 và đến nay đã hoàn chỉnh, đưa vào áp dụng nhằm phục vụ cho tất cả giáo viên tiểu học dạy Phân môn Luyện từ và câu lớp 5.

- Từ thực tế dạy và học, tôi đã tìm ra các nguyên nhân dẫn đến việc học sinh phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa còn hạn chế. Chính vì vậy tôi mạnh dạn đưa ra một số biện pháp hướng dẫn các em phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa sao cho dễ nhớ, dễ hiểu và đạt hiệu quả cao.

- Để hoàn thành sáng kiến này, tôi đã tiến hành các bước sau:

+ Tìm hiểu về hiện tượng đồng âm, nhiều nghĩa trong chương trình Luyện từ và câu lớp 5.

+ Tìm hiểu kiến thức cơ bản về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.

+ Tìm hiểu những khó khăn học sinh mắc phải khi học mảng kiến thức về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.

+ Tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến học sinh làm các bài tập về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa kết quả chưa cao.

+ Đề xuất một số biện pháp khắc phục những sai lầm học sinh thường mắc phải, những biện pháp giúp học sinh nhận biết, phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.

+ Đề xuất một số biện pháp, kinh nghiệm giúp giáo viên giảng dạy nội dung về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa tốt hơn.

+ Tiến hành khảo sát chất lượng lớp 5 ; tổng hợp kết quả, so sánh đối chiếu kết quả với những năm học trước để khảng định hiệu quả của đề tài.

+ Nêu một số đề nghị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Ngoài ra giáo viên cũng cần vận dụng phối hợp đa dạng những phương pháp và hình thức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh để đạt hiệu quả cao. Cùng với đó là lòng yêu nghề, say mê với sự nghiệp trồng người.

Với sáng kiến này, chúng tôi đã áp dụng ngay từ đầu năm học 2022-2023. Kết quả thu được là các tiết dạy đạt kết quả cao, tất cả học sinh đều phân biệt được từ đồng âm, từ nhiều nghĩa. Các em hăng hái và tự tin hơn khi học mảng kiến thức này nói riêng, các môn khác nói chung

**Phần 2**

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**1. HOÀN CẢNH NẢY SINH SÁNG KIẾN**

Trong chương trình Tiểu học, môn Tiếng Việt giữ một vị trí đặc biệt quan trọng, bởi vì nó vừa là môn khoa học, vừa là môn công cụ. Đây cũng là môn học chiếm thời lượng nhiều nhất.

Qua nhiều năm giảng dạy, chúng tôi thấy trong một giờ dạy Luyện từ và câu, phần cơ bản nhất là thực hành của học sinh nhưng chúng tôi nhận thấy rằng, số các em tự giác tích cực tham gia vào hoạt động này còn rất ít, chủ yếu tập trung vào các em có năng khiếu, mà số này chỉ chiếm tới 50% tổng số học sinh trong các lớp. Số còn lại chỉ chuẩn bị một cách thụ động và rất ít tự giác tham gia làm bài, tiết sau số học sinh đó lại tiếp tục lặp lại. Nếu kéo dài tình trạng này thì sẽ nảy sinh tư tưởng ỷ lại và có một bộ phận không nhỏ học sinh chậm tiếp thu đứng bên lề lớp học**.**

Dân gian có câu: ”***Phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam***”. Vấn đề từ đồng âm và từ nhiều nghĩa là một vấn đề khá phức tạp, dễ nhầm lẫn.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của dạy Tiếng Việt là dạy học thông qua giao tiếp. Người ta giao tiếp với nhau bằng nhiều phương tiện, nhưng phương tiện thông thường và quan trọng nhất là ngôn ngữ. Giao tiếp bằng ngôn ngữ là công cụ chủ yếu để học sinh tiếp cận, rèn luyện và phát triển khả năng sử dụng từ Tiếng Việt. Do đó, việc đưa học sinh vào các hoạt động học tập trong giờ Tiếng Việt được giáo viên rất quan tâm, chú ý. Trong quá trình dạy học tôi nhận thấy có không ít giáo viên gặp khó khăn khi truyền tải nội dung kiến thức môn Tiếng Việt cho các em. Tiếng Việt là môn học phức tạp nhất vì Tiếng Việt có cấu trúc phức tạp và đa dạng về nghĩa, đặc biệt là phân môn Luyện *từ và câu*. Khi dạy tiết *Luyện từ và câu* đa số giáo viên chỉ bám sát giáo án để thực hiện nội dung. Cách làm như thế là chưa đủ và máy móc, chưa giúp cho học sinh nắm vững được nội dung cần yêu cầu. Ngôn ngữ Tiếng Việt của chúng ta thực sự có nhiều khía cạnh khó, một trong những nội dung khó đó là phần nghĩa của từ.

Trong chương trình môn Tiếng Việt lớp 5, nội dung nghĩa của từ được tập trung biên soạn có hệ thống trong phần Luyện từ và câu. Nhiều năm liền trong quá trình dạy học, tôi thường nhận thấy các em học sinh sau khi học hai bài *“Từ trái nghĩa”*, *“Từ đồng nghĩa”* thì các em dễ dàng tìm được các từ trái nghĩa, việc tìm các từ đồng nghĩa cũng không mấy khó khăn. Song sau khi học hai bài *“Từ đồng âm”*, *“Từ nhiều nghĩa”* thì các em bắt đầu có sự nhầm lẫn và khả năng phân biệt từ đồng nghĩa, từ đồng âm và từ nhiều nghĩa cũng không được như mong đợi của giáo viên, kể cả học sinh nhận thức nhanh đôi khi cũng còn thiếu chính xác. Để nắm chắc về mảng kiến thức này, yêu cầu các em phải có đầu óc tổng hợp cao trong khi tư duy của các em còn cụ thể, chưa phát triển tư duy trừu tượng. Điều này đòi hỏi giáo viên cần phải tìm ra được biện pháp dạy học thích hợp với tâm lý nhận thức của các em.

Qua thực tế giảng dạy, tôi nhận thấy: Số tiết dạy về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa là rất ít (5 tiết):

+ Tuần 5: Từ đồng âm.

+ Tuần 6: Dùng từ đồng âm để chơi chữ.

+ Tuần 7: Từ nhiều nghĩa.

Luyện tập về từ nhiều nghĩa.

+ Tuần 8: Luyện tập về từ nhiều nghĩa.

Sách giáo khoa chỉ đưa ra một vài ví dụ điển hình, mang tính chất giới thiệu. Trong khi đó mảng kiến thức về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa khá trừu tượng. Đó là điều trăn trở lo nghĩ của biết bao giáo viên đứng trên bục giảng khi dạy phân môn Luyện từ và câu và cũng là điều băn khoăn của những người cán bộ quản lí chỉ đạo công tác chuyên môn trong trường Tiểu học hiện nay.

Trăn trở về vấn đề này, qua nhiều năm dạy học, tôi đã đúc rút ra một số kinh nghiệm nhỏ về cách hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa. Vì vậy chúng tôi mạnh dạn đề xuất: ***“Một số biện pháp dạy từ đồng âm, từ nhiều nghĩa, phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa”*** nhằm giúp giáo viên có phương pháp dạy học tốt hơn phần kiến thức này, đồng thời giúp các em học sinh hiểu bài sâu hơn, nhớ bài lâu hơn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**2. CƠ SỞ LÝ LUẬN**.

Tiếng Việt là môn học chiếm thời lượng lớn nhất trong các môn học. Chính Tiếng Việt đã cung cấp vốn ngôn ngữ đồ sộ cho học sinh. Nó không những giúp học sinh am hiểu tiếng mẹ đẻ mà còn giúp học sinh phát triển tư duy để học tốt môn học khác. Do đó, các nhà trường luôn coi trọng việc dạy ngôn ngữ là một điều kiện không thể thiếu để đảm bảo thành công trong việc thực hiện sứ mệnh trọng đại của mình. Như vậy, môn Tiếng Việt có vai trò hết sức quan trọng.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của dạy Tiếng Việt là dạy học thông qua giao tiếp. Các hoạt động giao tiếp, đặc biệt giao tiếp bằng ngôn ngữ là công cụ cực mạnh để học sinh tiếp cận, rèn luyện và phát triển khả năng sử dụng từ Tiếng Việt. Do đó, việc đưa học sinh vào các hoạt động học tập trong giờ Tiếng Việt của chúng ta thực sự có nhiều khía cạnh khó, một trong những nội dung khó đó là phần nghĩa của từ. Trong đó phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa là vấn đề mà rất nhiều học sinh còn lúng túng.

Với sáng kiến, tôi không có nhiều tham vọng mà chỉ nhằm mục đích đóng góp một phần công sức của mình vào công tác giáo dục của nhà trường. Với việc nghiên cứu sáng kiến, tôi mong muốn sẽ có được bài học để có thể áp dụng vào thực tiễn giảng dạy phân môn Luyện từ và câu môn Tiếng Việt trong trường Tiểu học Yết Kiêu nói riêng, trong ngành giáo dục Huyện Gia Lộc nói chung. Điều này càng có ý nghĩa nếu sáng kiến thành công, đồng thời là chất lượng học tập của các em học sinh cũng sẽ được nâng lên một cách đáng kể.

Chỉ tiêu: Cuối năm học, 100% học sinh có thể phân biệt được nghĩa của các từ theo yêu cầu. Trên cơ sở kiến thức, kĩ năng về các từ đã được học, các em vận dụng tốt ở các lớp trên.

**3.CHỦ ĐẦU TƯ SÁNG KIẾN**

Nhờ sự động viên và giúp đỡ tận tình của Hiệu trưởng nhà trường Tiểu học Yết Kiêu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bản thân để nâng cao chất lượng dạy-học trong nhà trường. Từ việc bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, trang bị cơ sở vật chất, đến việc chăm lo đời sống vật chất cho cán bộ- giáo viên , tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ giáo viên áp dụng giảng dạy một cách tốt nhất.

**4. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ**

**4.1. Những thuận lợi và khó khăn:**

***4.1.1. Thuận lợi:***

Trong điều kiện giảng dạy hiện nay, khi viết về đề tài này tôi nhận thấy có các thuận lợi cơ bản sau:

- Giáo viên nhận được sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của lãnh đạo cấp trên, của Ban giám hiệu nhà trường; sự quan tâm của Hội cha mẹ học sinh, của các ban ngành đoàn thể ở địa phương.

- Điều kiện dạy học hiện nay cũng có nhiều thuận lợi cho học sinh học tập cũng như thuận lợi cho việc dạy học của giáo viên: các em có đầy đủ sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, giáo viên có đủ đồ dùng dạy học.....

- Nhà trường luôn quan tâm tới việc đổi mới phương pháp dạy học ở Tiểu học, có đầy đủ tài liệu tham khảo cho giáo viên sử dụng.

- Giáo viên nhiệt tình, say mê nghiên cứu, yêu nghề, mến trẻ.

- Đa số học sinh chăm ngoan, chịu khó, tích cực tìm hiểu bài.

***4.1.2. Khó khăn:***

- Kinh nghiệm giảng dạy của một số giáo viên trẻ chưa nhiều nên việc truyền thụ kiến thức đôi lúc gặp khó khăn.

- Trình độ học sinh không đồng đều nên khi giảng dạy giáo viên phải biết kết hợp nhiều hình thức, phương pháp sao cho phù hợp.

- Vốn từ vựng của các em học sinh còn hạn chế.

- Vì ảnh hưởng của phương ngữ nên có nhiều học sinh phát âm chưa chuẩn dẫn đến phân biệt từ chưa chính xác.

- Một số ít học sinh chưa hiểu được bản chất (*khái niệm*) của từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.

- Khả năng đọc hiểu của học sinh còn hạn chế, không hiểu được văn cảnh của câu văn.

- Thời lượng giảng dạy về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa còn ít, (*02 tiết dạy về từ đồng âm, 03 tiết dạy về từ nhiều nghĩa*) trong khi đó căn cứ vào Hướng dẫn điều chỉnh nội dung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì một tiết luyện tập về từ đồng âm được giảm tải tức là tiết "*Dùng từ đồng âm để chơi chữ*" được giảm tải. Vì vậy các em vận dụng vào luyện tập, thực hành và giao tiếp trong cuộc sống còn nhiều hạn chế.

- Từ đồng âm và từ nhiều nghĩa đều có đặc điểm và hình thức giống nhau, (*đọc giống nhau, viết giống nhau*) chỉ khác nhau về ý nghĩa nên việc xác định từ đồng âm, từ nhiều nghĩa là vấn đề không hề đơn giản.

**4.2. Những giải pháp cũ thường thực hiện:**

Qua những năm giảng dạy, tìm hiểu đồng nghiệp, tôi thấy khi dạy các em phần từ đồng âm và từ nhiều nghĩa, đa số giáo viên làm như sau:

- *Hoạt động 1*: Gọi các em đọc ví dụ (*ngữ liệu*) trong sách giáo khoa.

- *Hoạt động 2*: Phân tích ví dụ và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa.

- *Hoạt động 3*: Rút ra ghi nhớ. Giáo viên lấy ví dụ minh họa hoặc gọi học sinh tự lấy ví dụ.

- *Hoạt động 4*: Vận dụng, thực hành chữa các bài tập trong sách giáo khoa.

Những việc làm trên của giáo viên là đúng tiến trình nhưng hầu như chưa khắc sâu kiến thức cho học sinh, chưa chủ động đưa ra hệ thống câu hỏi, bài tập thể hiện sự phân hóa đối tượng. Vì vậy chưa khơi gợi được hứng thú học tập của tất cả học sinh, chất lượng cuối kỳ, cuối năm chưa cao.

Cụ thể năm học 2022-2023 sau khi học xong tuần 8, chúng tôi ra đề như sau để khảo sát chất lượng học sinh lớp 5C và 5D:

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1**: (*1 điểm*)

a) *Dòng nào dưới đây chứa từ đồng âm* *?*

A. Ba/ Tía/ Bố/ Thầy

B. Cánh đồng/ Tượng đồng/ Đồng xu

C. Miệng rộng thì sang/ Miệng bát/ Miệng ăn

b) *Cặp từ ngữ nào dưới đây chứa từ nhiều nghĩa* *?*

A. Vách đá - Đá bóng

B. Anh dũng - Dũng cảm

C. Đôi mắt - Mắt cá chân

**Câu 2**: (*3 điểm*)

Từ ***bay*** trong các câu sau là từ đồng âm hay từ nhiều nghĩa ?

a) Bác thợ nề đang cầm ***bay*** trát tường.

b) Cánh cò ***bay*** lả dập dờn.

c) Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đạn quân thù ***bay*** vèo vèo.

d) Chiếc áo xanh của bố em đã ***bay*** màu.

**Câu 3**: (*3 điểm*)

Đặt câu với các từ nhiều nghĩa sau: (*một câu theo nghĩa gốc, một câu theo nghĩa chuyển*): ***nhà, đi, ngọt***.

**Câu 4**: (*3 điểm*)

Với mỗi từ sau, hãy đặt 2 câu để phân biệt các từ đồng âm: ***chiếu, kén, mọc.***

BIỂU ĐIỂM

**Câu 1**: (*1 điểm*) Mỗi lựa chọn đúng được 0,5 điểm

a) B

b) C

**Câu 2**: (*3 điểm*) Mỗi xác định đúng được 0,75 điểm

a) Cầm ***bay*** trát tường: *Từ đồng âm*

b) Cánh cò ***bay***: *Từ nhiều nghĩa* (nghĩa gốc)

c) Đạn ***bay***: *Từ nhiều nghĩa* (nghĩa chuyển)

d) ***Bay*** màu: *Từ nhiều nghĩa* (nghĩa chuyển)

**Câu 3**: (*3 điểm*) Học sinh đặt đúng mỗi câu được 0,5 điểm

*Ví dụ*:

- Ngôi ***nhà*** đẹp quá./ ***Nhà*** tôi đi vắng.

- Em bé đang chập chững tập ***đi***. / Tuần sau, chúng tôi ***đi*** du lịch Thái Lan.

- Quả cam ***ngọt*** quá./ Chị ấy nói ***ngọ***t thật.

**Câu 4**: (*3 điểm*) Học sinh đặt đúng mỗi câu được 0,5 điểm

*Ví dụ*:

- Ánh trăng ***chiếu*** qua kẽ lá./ Bà tôi trải ***chiếu*** ra sân ngồi hóng mát.

- Con tằm đang làm ***kén***. / Cô ấy là người hay ***kén*** chọn.

- Mặt trời ***mọc***./ Bát bún ***mọc*** ngon tuyệt.

**Nhận xét**:

Sau khi thu và chấm bài, tôi thấy các em đều làm đúng câu 1; câu 2 thì có một số ít em còn nhầm lẫn; câu 3, 4 thì chỉ ít em đặt câu đúng yêu cầu. Có một, hai em chưa kịp làm đến câu 4.

Sau khi tổng hợp, thu được kết quả như sau:

**Kết quả:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | Điểm 9-10 | | Điểm 7- 8 | | Điểm 5- 6 | | Điểm <5 | |
| *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| 5C | 34 | 3 | 10,7 | 7 | 25 | 15 | 53,5 | 3 | 10,8 |
| 5D | 34 | 4 | 12,5 | 10 | 31,25 | 14 | 43,75 | 4 | 12,5 |

Qua kết quả thể hiện ở bảng khảo sát trên tôi thấy số lượng học sinh đạt điểm 9,10 còn rất ít, học sinh đạt điểm 7,8 chưa cao, vẫn còn học sinh đạt điểm dưới 5, chủ yếu là học sinh đạt điểm 5,6.

**5. MỘT SỐ BIỆN PHÁP**

Dạng bài tập về phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa không có nhiều. Trong 5 tiết dạy về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa chỉ có 1 bài tập cho học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa (*Bài 1 trang 82 SGK Tiếng Việt 5 - Tập I*).

Vì vậy để tránh nhầm lẫn, trước hết phải giúp các em nắm chắc khái niệm và nhận diện chính xác từ đồng âm, từ nhiều nghĩa. Trên cơ sở đó, đưa ra các biện pháp giúp các em phân biệt hai kiểu từ này.

**5.1. Biện pháp 1**: ***Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách sử dụng tranh ảnh, vật thật để minh họa cho nghĩa của từ.***

Trong quá trình dạy học các bài về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa, giáo viên cần sử dụng đồ dùng dạy học, tranh ảnh minh họa nhằm giúp học sinh dễ dàng phân biệt nghĩa của từ. *Ví dụ*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| canh dong | tuong-phat-a-di-da-10 | mot nghin dong |
| Cánh ***đồng*** | Tượng ***đồng*** | Một nghìn ***đồng*** |

Học sinh dễ dàng nhận biết từ ***đồng*** trong ví dụ trên là ***từ đồng âm*** vì chúng không liên quan gì với nhau về nghĩa.

|  |  |
| --- | --- |
| **hon da** | **da bong** |
| Tảng ***đá*** | ***Đá*** bóng |

Học sinh dễ dàng nhận biết từ ***đá*** trong ví dụ trên là ***từ đồng âm*** vì chúng không liên quan gì với nhau về nghĩa, hơn nữa chúng lại khác nhau về từ loại.

|  |  |
| --- | --- |
| **be-dau-chan** | **kieng ba chan** |
| Bé bị đau ***chân*** | Lòng ta vẫn vững như kiềng ba ***chân*** |

Học sinh dễ dàng phân biệt được:

+ đau ***chân***: ***Từ nhiều nghĩa*** (*nghĩa gốc*. Chân: Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hay động vật, dùng để đi, đứng, chạy, nhảy,...)

+ kiềng ba ***chân***: ***Từ nhiều nghĩa*** (*nghĩa chuyển*. Chân: Bộ phận dưới cùng của chiếc kiềng dùng để đỡ một số bộ phận khác.

***Như vậy:***Khi hướng dẫn các em phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa thì việc dùng tranh ảnh, vật thật minh họa có vai trò quan trọng và giúp học sinh dễ dàng nhận biết nghĩa của từ.

**5.2. Biện pháp 2**: ***Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách đặt từ vào văn cảnh để hiểu đúng nghĩa của từ.***

**Ví dụ 1**:

Từ “***đậu***”trong câu sau quan hệ với nhau về nghĩa thế nào ?

“Ruồi ***đậu*** mâm xôi ***đậu***.”

Trong văn cảnh này từ *đậu thứ nhất* “ruồi ***đậu***” là động từ có nghĩa con ruồi nó dừng lại ở trên mâm xôi. Còn từ *đậu thứ hai* “xôi ***đậu***” được nấu từ gạo nếp và loại đậu nào đó, từ đậu ở đây thuộc từ loại là danh từ.

Vì vậy từ ***đậu*** trong câu trên là ***từ đồng âm***.

**Ví dụ 2**:

Từ ***vàng*** trong các câu sau là từ đồng âm hay từ nhiều nghĩa ?

a) Giá ***vàng*** trong nước tăng đột biến.

b) Mẹ em là một người có tấm lòng ***vàng***.

c) Chiếc lá ***vàng*** rơi xuống sân trường.

- Trước hết **tìm hiểu nghĩa** của từ vàng trong từng câu như sau:

+ Giá ***vàng***: chỉ số tiền để mua một lượng vàng nhất định (*Ví dụ*: Hôm nay giá vàng là 3.500.000 đồng một chỉ.)

+ Tấm lòng ***vàng***: là một người có tình yêu thương với tất cả mọi người, sẵn sàng giúp đỡ mọi người không vì mục đích gì.

+ Lá ***vàng***: chỉ trạng thái của lá cây ở giai đoạn chuẩn bị lìa cành.

- **Như vậy**, học sinh dễ dàng xác định được:

+ Từ ***vàng*** trong Giá ***vàng***/ tấm lòng ***vàng*** là từ nhiều nghĩa (giá *vàng*: vàng mang *nghĩa gốc*/ tấm lòng *vàng*: vàng mang *nghĩa chuyển*)

+ Từ ***vàng*** trong Giá ***vàng***/ lá ***vàng*** là từ đồng âm.

+ Từ ***vàng*** trong Tấm lòng ***vàng***/ lá ***vàng*** là từ đồng âm.

**Ví dụ 3**:

Từ “***chỉ***” trong các trường hợp sau là từ đồng âm hay nhiều nghĩa ?

*Cái kim sợi* ***chỉ -*** *chiếu* ***chỉ - chỉ*** *đường* ***-*** *một* ***chỉ*** *vàng.*

- Ở câu hỏi này, giáo viên yêu cầu học sinh giải thích lí do lựa chọn để khẳng định kiến thức và khả năng nhận diện, phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa bằng cách đặt các từ ngữ trên vào văn cảnh để tìm hiểu nghĩa của từ chỉ.

+ *Cái kim sợi* ***chỉ***: *Chỉ*: Đồ dùng kết hợp với kim để khâu vá.

+ Chiếu ***chỉ***: *Chỉ*: Quyết định bằng văn bản của vua.

+ ***Chỉ*** đường: *Chỉ*: Dùng ngón tay trỏ đường theo một hướng nào đó.

+ Một ***chỉ*** vàng: *Chỉ*: Đơn vị dùng để đếm.

- Sau khi học sinh trả lời chúng tôi chốt lại từ “***chỉ***” trong mỗi trường hợp trên có nghĩa khác nhau, không có quan hệ gì về nghĩa với nhau. Vì vậy từ “***chỉ***” trong các trường hợp trên là ***từ*** ***đồng âm***.

***Như vậy:***Khi hướng dẫn các em phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa thì việc đặt từ vào văn cảnh để tìm hiểu nghĩa của từ có vai trò quan trọng và giúp học sinh nhận biết được nghĩa của từ.

**5.3. Biện pháp 3**: ***Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách dùng bảng hệ thống phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.***

***5.3.1. Dựa vào khái niệm để phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa:***

Sau các bài học về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa cùng với các bài luyện tập, chúng tôi giúp học sinh rút ra so sánh như sau:

\* Giống nhau: Từ đồng âm, từ nhiều nghĩa đều là những từ có cùng hình thức ngữ âm (*đọc, nói, viết* giống nhau.)

\* Khác nhau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ đồng âm**  - Nghĩa của các từ đồng âm hoàn toàn khác biệt nhau, không có bất cứ mối liên hệ gì.  Ví dụ: "đá" trong từ "***hòn đá***": chỉ chất rắn có sẵn trong tự nhiên, thường thành tảng, hòn rất cứng. Còn "đá" trong "***đá bóng***" chỉ hành động dùng chân hất mạnh vào quả bóng nhằm đưa bóng ra xa, ...  - Từ đồng âm không giải thích được bằng cơ chế chuyển nghĩa.  Ví dụ:  + Ngôi ***nhà*** rất đẹp.  + ***Nhà*** tôi năm nay ba mươi tuổi. | **Từ nhiều nghĩa**  - Nghĩa của các từ nhiều nghĩa có mối liên quan với nhau.  Ví dụ: "đá" trong từ "***hòn đá***" chỉ chất rắn có trong tự nhiên, thường thành tảng, khối vật cứng. Còn "đá" trong "***nước đá***" chỉ nước đông cứng lại thành tảng giống như đá.  - Từ nhiều nghĩa do cơ chế chuyển nghĩa tạo thành.  Ví dụ:  + Đôi ***mắt*** của bé mở to.  + Quả na mở ***mắt***. |

***5.3.2. Dựa vào nguồn gốc để phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa:***

- Nếu hai từ *khác nhau về nguồn gốc*, *trùng nhau về ngữ âm* thì đó là hai ***từ đồng âm***.

- Nếu *giống nhau* cả về *ngữ âm* lẫn *nguồn gốc* thì cần nghĩ tới khả năng đó là hiện tượng ***nhiều nghĩa***.

- Nếu có *một nghĩa nào đó* của từ nhiều nghĩa *đã tách xa*, đã *đứt đoạn* mối liên hệ với toàn bộ cơ cấu nghĩa chung thì nó cũng hình thành nên một ***từ đồng âm*** với từ ban đầu.

- Nếu có sự *tách nghĩa dẫn đến đứt đoạn* mối liên hệ về nghĩa thì nên coi ở đây đã hình thành những ***từ đồng âm***.

***Ví dụ:****cây1 (cây tre), cây2 (cây át cơ), cây3 (cây vàng)*

+ Giữa cây1 và cây3 đã hoàn toàn đứt đoạn mối liên hệ về nghĩa. Chúng được coi là hai ***từ đồng âm***.

- Khi một từ được dùng trong *hai tư cách từ loại* khác nhau với *hai nghĩa riêng*, trong đó nếu *nghĩa mới* phái sinh do chuyển từ loại đã *có khả năng độc lập* làm cơ sở tạo nên nghĩa phát sinh khác thì lúc này nên tách ra thành hai ***từ đồng âm***. *Nếu không thoả mãn điều kiện đó* thì cần xử lí nó với tư cách là ***từ nhiều nghĩa***.

***Ví dụ*:** *chai1 (danh từ): chỗ da dày và cứng lại vì bị cọ xát nhiều.*

*chai2 (tính từ) : (1). (Nói về da) Đã trở thành dày và cứng vì bị cọ xát nhiều: (Cầm cuốc nhiều đã chai tay);*

*(2). (Nói về đất) Đã trở thành cứng, không xốp, khó cày bừa: (Đất ruộng đã bị chai cứng);*

*(3). Đã trở thành trơ, lì vì đã quá quen: (Bị mắng nhiều đã chai mặt, không còn biết xấu hổ là gì nữa.)*

Ở đây, nên tách ra chai1 và chai2 vì từ nghĩa (1) của chai2 (phát sinh từ chai1) đã tiếp tục phát sinh ra nghĩa (2) và nghĩa (3).

Do đó, ***chai1*** mang ***nghĩa gốc***, ***chai2***mang ***nghĩa chuyển***.

***Như vậy:***Trong ngôn ngữ giao tiếp nói chung, từ đồng âm với những sắc thái riêng của từng ngôn ngữ cụ thể, thường được sử dụng trong các hiện tượng chơi chữ rất đặc biệt.

***5.3.3. Dựa vào từ loại để xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa:***

*4.3.3.1. Từ nhiều nghĩa là* ***danh từ****:*Ở trường hợp này từ nhiều nghĩa xảy ra khi chúng phải cùng từ loại với nhau và có thể chia ra làm các trường hợp sau:

*Trường hợp 1: Từ nhiều nghĩa, trong đó từ mang nghĩa gốc là danh từ chỉ người hoặc là danh từ có liên quan đến người, còn từ mang nghĩa chuyển là danh từ chỉ đồ vật hoặc là danh từ có liên quan đến đồ vật:*

Ví dụ 1: Hàm răng (1) em trắng như ngọc.

Chiếc cào có ba răng (2).

Răng (1) là danh từ chỉ bộ phận của cơ thể người, có nghĩa là "phần cứng mọc ở hai hàm trong miệng dùng để nhai và nuốt". Do đó từ ***răng(1)*** là danh từ mang ***nghĩa gốc***. Răng (2) là danh từ chỉ vật nhọn giống như răng. Do đó từ ***răng(2)*** là danh từ mang ***nghĩa chuyển***.

Ví dụ 2: Ông em bị đau chân(1).

Chân(2) của cái bàn này đã gãy rồi.

Chân(1) là danh từ chỉ bộ phận của cơ thể người, có nghĩa là "phần dưới cùng của cơ thể người, dùng để đi, đứng, chạy, nhảy". Do đó từ ***chân(1)*** là danh từ mang ***nghĩa gốc***. Chân(2) là danh từ chỉ bộ phận dưới cùng của chiếc bàn, dùng để đỡ các bộ phận khác. Do đó từ ***chân(2)*** là danh từ mang ***nghĩa chuyển***.

*Trường hợp 2: Từ nhiều nghĩa, trong đó từ mang nghĩa gốc là danh từ chỉ người hoặc là danh từ có liên quan đến người, còn từ mang nghĩa chuyển là danh từ chỉ sự vật hoặc là danh từ có liên quan đến sự vật:*

Ví dụ 3: Đôi mắt(1) Hoa sáng long lanh.

Quả na đã mở mắt(2).

"Mắt"(1) là danh từ chỉ bộ phận của cơ thể người, dùng để nhìn. Do đó từ ***mắt(1)*** là danh từ mang ***nghĩa gốc***. Mắt(2) là danh từ chỉ phần lồi ra ở vỏ quả na. Do đó từ ***mắt(2)*** là danh từ mang ***nghĩa chuyển***.

Ví dụ 4: Đôi chân(1) của em mỏi rời rã vì đi bộ nhiều.

Nhà An nằm sát chân(2) đồi.

Chân(1) là danh từ chỉ bộ phận của cơ thể người, có nghĩa là "phần dưới cùng của cơ thể người, dùng để đi, đứng,chạy, nhảy". Do đó từ ***chân(1)*** là danh từ mang ***nghĩa gốc***. Chân(2) là danh từ chỉ bộ phận dưới cùng của quả đồi, chỗ tiếp giáp với mặt đất. Do đó từ ***chân(2)*** là danh từ mang ***nghĩa chuyển***.

*Trường hợp 3: Từ nhiều nghĩa, trong đó từ mang nghĩa gốc là danh từ chỉ con vật hoặc danh từ có liên quan đến con vật. Còn từ mang nghĩa chuyển là danh từ chỉ đồ vật hoặc là danh từ có liên quan đến đồ vật.*

Ví dụ 5: Con ngỗng có chiếc cổ(1) dài ngoẵng.

Cổ(2) áocủa bạn đẹp thật.

"Cổ"(1) là danh từ chỉ bộ phận của cơ thể con ngỗng, là bộ phận nối giữa đầu với thân. Do đó từ ***cổ(1***) là danh từ mang ***nghĩa gốc***. Cổ(2) là danh từ chỉ bộ phận của cái áo, là bộ phận phía trên, hơi thon. Do đó từ ***cổ(2)*** là danh từ mang ***nghĩa chuyển***.

Ví dụ 6: Chân(1) chú Mickeynhà em giống như thân cây mía vậỵ.

Dù ai nói ngả nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân(2).

Chân(1) là danh từ chỉ bộ phận dưới cùng của cơ thể con vật, dùng để đi, đứng, chạy, nhảy. Do đó từ ***chân(1)*** là danh từ mang ***nghĩa gốc***. Chân(2) là danh từ chỉ bộ phận dưới cùng của chiếc kiềng dùng để đỡ một số bộ phận khác. Do đó từ ***chân(2)*** là danh từ mang ***nghĩa chuyển***.

*Trường hợp 4: Từ nhiều nghĩa, trong đó từ mang nghĩa gốc là danh từ chỉ con vật hoặc danh từ có liên quan đến con vật. Còn từ mang nghĩa chuyển là danh từ chỉ sự vật hoặc là danh từ có liên quan đến sự vật.*

Ví dụ 7: Mắt(1) chú mèo tròn xoe.

Phi-líp-pin nằm ở trung tâm của mắt(2) bão.

"mắt"(1) là danh từ chỉ bộ phận của cơ thể con mèo, dùng để nhìn. Do đó từ ***mắt(1)*** là danh từ mang ***nghĩa gốc***. Mắt(2) là danh từ chỉ vùng trung tâm của một cơn bão. Do đó từ ***mắt(2)*** là danh từ mang ***nghĩa chuyển***.

*Trường hợp 5: Từ mang nghĩa gốc và nghĩa chuyển đều là danh từ chỉ người hoặc là danh từ có liên quan đến người:*

Ví dụ 8: Mắt(1) tôi bị đau đã lâu.

Em bị đau mắt(2) cá chân.

Mắt(1) là danh từ chỉ cơ quan để nhìn của người nên ***mắt(1)*** là từ mang ***nghĩa gốc***. Mắt(2) là danh từ chỉ phần lồi ra ở hai bên cổ chân của người nên ***mắt(2)***là từ mang ***nghĩa chuyển***.

*Trường hợp 6: Từ mang nghĩa gốc và nghĩa chuyển đều là danh từ chỉ con vật hoặc là danh từ có liên quan đến con vật:*

Ví dụ 9: Chú gà chọi có đôi chân(1) chì.

Con gà trống bị chảy máu chân(2) lông.

Chân(1) là danh từ chỉ bộ phận dưới cùng của con gà trống dùng để đi, đứng, chạy, nhảy, ... nên ***chân(1)***là từ mang ***nghĩa gốc***. Chân(2) là danh từ chỉ phần dưới cùng của cái lông, nơi tiếp giáp với da của con gà nên ***chân(2)***là danh từ mang ***nghĩa chuyển***.

*Trường hợp 7: Từ mang nghĩa gốc và nghĩa chuyển đều là danh từ chỉ sự vật hoặc là danh từ có liên quan đến sự vật:*

Ví dụ 10: Con đường(1) làng rộng thênh thang.

Kẻ một đường(2) thẳng đi qua hai điểm A và B.

Đường(1) là danh từ chỉ lối đi, để mọi người đi lại nên ***đường(1)*** là từ mang ***nghĩa gốc***. Đường(2) là danh từ chỉ vệt, vạch được tạo ra nên ***đường(2)***là danh từ mang ***nghĩa chuyển***.

*4.3.3.2. Từ nhiều nghĩa thuộc từ loại* ***động từ****:*

Trường hợp này, từ nhiều nghĩa xảy ra khi chúng cùng từ loại với nhau và có thể có các trường hợp sau:

*Trường hợp 1: Từ mang nghĩa gốc và từ mang nghĩa chuyển đều là động từ chỉ hoạt động, trạng thái của người và sự vật hoặc là động từ chỉ hoạt động, trạng thái liên quan đến người và sự vật.*

Ví dụ 1: Hoa ăn(1) cơm. => ***ăn(1)*** mang ***nghĩagốc***.

Tàu vào ăn(2) than. => ***ăn(2)*** mang ***nghĩa chuyển***.

Ví dụ 2: Hoa đi(1) trên đường. => ***đi(1)*** mang ***nghĩagốc***.

ơ

Bố đi(2) công tác xa. => ***đi(2)***mang ***nghĩa chuyển***.

*Trường hợp 2: Từ mang nghĩa gốc và từ mang nghĩa chuyển đều là động từ chỉ hoạt động, trạng thái của con vật và sự vật hoặc là động từ chỉ hoạt động, trạng thái liên quan đến con vật và sự vật.*

Ví dụ 3: Chim đậu(1) trên cành. => ***đậu(1)***mang ***nghĩagốc***.

Xe đậu(2) ngay trên đường. => ***đậu(2)***mang ***nghĩa chuyển***.

Ví dụ 4: Vịt con chạy(1) lạch bạch trên đường. => ***chạy(1)***mang ***nghĩagốc***.

Đồng hồ chạy(2) nhanh. => ***chạy(2)***mang ***nghĩa chuyển***.

*4.3.3.3. Từ nhiều nghĩa thuộc từ loại* ***tính từ****:*

Trường hợp này, từ nhiều nghĩa không xảy ra, nếu có xảy ra thì từ mang nghĩa gốc phải là danh từ, còn từ mang nghĩa chuyển là tính từ.

Ví dụ: Mùa xuân(1) là tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng xuân(2).

*Xuân*(1) là danh từ chỉ thời gian đầu năm, là mùa chuyển tiếp từ mùa đông sang màu hạ. ***Xuân(1)*** là từ mang ***nghĩa gốc***.

*Xuân*(2)là tính từ chỉ mức độ chuyển biến của đất nước ngày càng tươi đẹp hơn. ***Xuân(2)*** là từ mang ***nghĩa chuyển***.

**5.4. Biện pháp 4**: ***Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách thành lập bảng những từ đồng âm, từ nhiều nghĩa để mở rộng vốn từ cho học sinh.***

Ngoài các biện pháp trên chúng tôi thành lập các **thẻ từ đồng âm, từ nhiều nghĩa** thông dụng đính lên tường để giới thiệu cho các em.

***5.4.1. Một số thẻ từ về* từ đồng âm*:***

|  |  |
| --- | --- |
| Ngựa ***đá*** / ***Đá*** bóng | Bông ***súng*** / Cây ***súng*** |
| ***Giá*** sách / ***Giá*** tiền / Cái ***giá*** | Cánh ***đồng*** / Tượng ***đồng*** / ***Đồng*** xu |
| ***Cờ*** vua / Lá ***cờ*** / Chào ***cờ*** | ***Ba*** mẹ / ***Ba*** ngày / Thứ ***ba*** |
| ***Câu*** cá / ***Câu*** giờ / Lưỡi ***câu*** | ***Bằng*** khen / ***Bằng*** nhau / ***Bằng*** phẳng |
| ***Máy*** móc / Mở ***máy*** / Đánh ***máy*** | ***Ao*** cá / ***Ao*** ước |

***5.4.2. Một số thẻ từ về* từ nhiều nghĩa*:***

|  |  |
| --- | --- |
| Xương ***sườn / sườn*** địch ***/ sườn*** nhà | Chim ***đậu*** / thi ***đậu*** |
| ***Miệng*** rộng / ***miệng*** ăn / ***miệng*** bát | Ngựa ***chạy*** / đồng hồ ***chạy*** |
| Mùa ***xuân*** / tuổi ***xuân*** / ***xuân*** sắc | Đôi ***mắt*** / ***mắt*** cá chân |
| Ngôi ***nhà*** / ***nhà*** tôi | ***Chân*** chì / ***chân*** lông / kiềng ba ***chân*** |
| ***Ăn*** cơm / ***ăn*** ảnh / da ***ăn*** nắng | Hàm ***răng*** / cào ba ***răng*** |

***Như vậy:***Việc thành lập các thẻ từ đồng âm, từ nhiều nghĩa thông dụng đính lên tường góp phần mở rộng vốn từ cho các em.

**5.5. Biện pháp 5**: ***Hướng dẫn học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa bằng cách thường xuyên đưa những câu văn, đoạn văn, bài đọc có chứa từ đồng âm, nhiều nghĩa trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa.***

Ví dụ 1: Giải câu đố sau và cho biết trong hai sự vật đó có chứa từ đồng âm hay từ nhiều nghĩa:

Hai cây cùng có một tên

Cây xòe mặt nước, cây trên chiến trường

Cây này bảo vệ quê hương

Cây kia hoa nở soi gương mặt hồ.

(*Là cây gì ?*)

Học sinh dễ dàng tìm được là ***cây hoa súng*** và ***khẩu súng***, trong hai sự vật này, ***súng*** là ***từ đồng âm***.

Ví dụ 2: Tìm từ đồng âm trong đoạn văn sau:

Tôi và Dương là đôi bạn chung trường. Chúng tôi ngồi cùng bàn và chơi thân nhau từ học cấp Một, đến nay đã vào cấp Hai. Dương thông minh, không những học giỏi mà bạn còn ca hay, múa dẻo. Trái lại, tôi rất tối dạ lại hát chẳng hay. Dương thường động viên tôi phải biết cách học đi đôi với hành và hát hay không bằng hay hát. Nhờ sự cổ vũ của Dương, tôi học ngày càng tiến bộ. Bố mẹ tôi vui lòng khen tôi biết chọn bạn mà chơi. Đúng là gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

Sau khi đọc, phân tích, học sinh tìm được ***từ đồng âm*** là từ ” ***hay***”

+ Hát hay: ” ***hay***” chỉ lời khen

+ Hay hát: ” ***hay***” chỉ việc làm thường xuyên

Ví dụ 3: Em hiểu nghĩa của từ ***”lợi”*** trong bài ca dao sau thế nào:

Bà già đi chợ Cầu Đông

Xem một quẻ bói, lấy chồng lợi(1) chăng ?

Thầy bói gieo quẻ nói rằng

Lợi(2) thì có lợi(3) nhưng răng chẳng còn.

Sau khi cho học sinh đọc bài ca dao trên, chúng tôi cho các em tìm hiểu nghĩa của từng từ ”***lợi***”. Các em phát biểu sôi nổi với nhiều ý kiến khác nhau, đa số các em đều hiểu đúng nghĩa của mỗi từ ”***lợi***” và một số em học sinh giỏi hiểu được dụng ý của tác giả.

Chúng tôi kết luận như sau:

Lợi (1): Thuận lợi, lợi lộc.

Lợi (2), (3): phần thịt bao quanh chân răng (chỉ răng lợi)

Bài ca dao đã sử dụng hiện tượng ***đồng âm*** để chơi chữ, tạo cách hiểu bất ngờ thú vị, cuốn hút người đọc.

**6. KẾT QUẢ**

Năm học 2021-2022 trường chúng tôi có 5 lớp 5 nhưng tôi đã thực nghiệm hai lớp là : 5C và 5D, sĩ số học sinh gần bằng nhau, trình độ học sinh 2 lớp tương đương nhau. Tôi tiến hành áp dụng các biện pháp như đã trình bày ở trên vào giảng dạy lớp 5C (*lớp thực nghiệm*), còn lớp 5D (*lớp đối chứng*) thì vẫn dạy theo lối cũ.

Sau khi học hết tuần 18, tôi ra đề khảo sát như sau:

ĐỀ BÀI

**Câu 1**: (*1 điểm*)

a) Dòng nào dưới đây chứa từ đồng âm ?

A. Mùa xuân / tuổi xuân / xuân sắc

B. Trắng xóa / trắng toát / trắng tinh

C. Câu văn / rau câu / chim câu

b) Cặp từ ngữ nào dưới đây chứa từ nhiều nghĩa ?

A. Bông súng - Cây súng

B. Đau lưng - Lưng núi

C. Kiên trì - Kiên nhẫn

**Câu 2**: (*3 điểm*)

Trong các từ sau, từ nào mang nghĩa gốc, từ nào mang nghĩa chuyển:

a) ***Miệng*** cười tươi, ***miệng*** túi, ***miệng*** rộng thì sang, há ***miệng*** chờ sung, nhà 5 ***miệng*** ăn.

b) Xương ***sườn***, ***sườn*** núi, hích vào ***sườn***, hở ***sườn***, đánh vào ***sườn*** địch.

**Câu 3**: (*3 điểm*)

Với mỗi từ dưới đây, em hãy đạt 1 câu:

a) ***Câu*** (là Danh từ, Động từ, Tính từ)

b) ***Xuân*** (là Danh từ, Tính Từ)

**Câu 4**: (*3 điểm*)

Viết một đoạn văn trong đó có sử dụng từ đồng âm, từ nhiều nghĩa. Chỉ ra từ đồng âm, từ nhiều nghĩa em sử dụng.

BIỂU ĐIỂM

**Câu 1**: (*1 điểm*) Mỗi lựa chọn đúng được 0,5 điểm

a) C

b) B

**Câu 2**: (*3 điểm*) Mỗi xác định đúng được 0,3 điểm

a) ***Miệng*** cười tươi, ***miệng*** túi, ***miệng*** rộng thì sang, há ***miệng*** chờ sung, nhà 5 ***miệng*** ăn.

- Nghĩa gốc: ***Miệng*** cười tươi, ***miệng*** rộng thì sang (*bộ phận trên mặt người hay ở phần trước của đầu động vật, dùng để ăn và nói*); há ***miệng*** chờ sung(*ám chỉ kẻ lười biếng, suy ra từ câu chuyện có kẻ muốn ăn sung nhưng do lười biếng nên chỉ nằm há miệng chờ cho sung rụng vào mồm*).

- Nghĩa chuyển: ***miệng*** túi(*phần trên cùng, chỗ mở ra thông với bên ngoài của vật có chiều sâu*), nhà 5 ***miệng*** ăn(*5 cá nhân trong một gia đình*)

b) Xương ***sườn***, ***sườn*** núi, hích vào ***sườn***, hở ***sườn***, đánh vào ***sườn*** địch.

- Nghĩa gốc: Xương ***sườn***, hích vào ***sườn*** (*các xương bao quanh lồng ngực từ cột sống đến vùng ức*)

- Nghĩa chuyển: ***sườn*** núi (*bộ phận chính tạo nên hình dáng của vật*), hở ***sườn***, đánh vào ***sườn*** địch (*chỗ trọng yếu, quan trọng*)

**Câu 3**: (*3 điểm*) Học sinh đặt đúng mỗi câu được 0,6 điểm

*Ví dụ*:

a) - Em sang nhà bác Anh mượn chiếc ***cân*** đĩa. (cân là danh từ)

- Mẹ ***cân*** một con gà. (cân là động từ)

- Hai bên ***cân*** sức ***cân*** tài (cân là tính từ)

b) - Mùa ***xuân*** đã về. (xuân là danh từ)

- Trông bác ấy còn ***xuân*** lắm. (xuân là tính từ)

**Câu 4**: (*3 điểm*) Học sinh viết đúng yêu cầu được 1,5 điểm, chỉ ra được từ đồng âm, nhiều nghĩa được 1,5 điểm. *Ví dụ*:

Ôi, mùa xuân xinh đẹp đã về trên quê hương em. Mùa xuân làm cho cảnh vật như được trở lại tuổi thanh xuân. Dưới chân đê, những đàn trâu chân bê bết bùn đang cần mẫn cày ruộng nhằm tranh thủ sự tươi tốt của mùa xuân mang đến. Những cành cây thì như có phép kì lạ, mùa đông chúng khẳng khiu, trơ trụi nhưng giờ đây được bàn tay mẹ thiên nhiên tô điểm cho sắc xuân thêm rạng rỡ. Xa xa, mấy anh em bạn Đức đang đào hố để trồng cành đào. Xuân về, ai nấy đều vui mừng khôn xiết.

- Mùa ***xuân***: Từ nhiều nghĩa (*nghĩa gốc*)

Tuổi thanh ***xuân***: Từ nhiều nghĩa (*nghĩa chuyển*)

Sắc ***xuân***: Từ nhiều nghĩa (*nghĩa chuyển*)

- Những đàn trâu ***chân*** bê bết bùn: Từ nhiều nghĩa (*nghĩa gốc*)

Dưới ***chân*** đê: Từ nhiều nghĩa (*nghĩa chuyển*)

- ***Đào*** hố: Từ đồng âm

Cành ***đào***: Từ đồng âm

**Nhận xét**: Sau khi thu và chấm bài, tôi thấy các em đều làm đúng câu 1; câu 2 ở lớp 5D vẫn còn một số em làm nhầm, còn lớp 5C thì các em làm đúng hết; câu 3 thì học sinh lớp 5D đặt câu hay hơn, học sinh lớp 5C có nhiều em còn bỏ dở; đặc biệt là câu 4 thì lớp 5C có ít em viết được nhưng nội dung không hay, còn lớp 5C thì nhiều em viết được, một số em diễn đạt lôgic, câu văn giàu hình ảnh.

Sau khi tổng hợp, thu được kết quả như sau:

**Kết quả:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | Điểm 9-10 | | | Điểm 7- 8 | | Điểm 5- 6 | | Điểm <5 | |
| *SL* | *%* | *SL* | | *%* | *SL* | *%* | *SL* | *%* |
| 5D  (***Lớp đối chứng***) | 34 | 7 | 12,5 | 11 | | 31,25 | 14 | 43,75 | 4 | 12,5 |
| 5C  (***Lớp thực nghiệm***) | 34 | 10 | 28,5 | 15 | | 46,7 | 9 | 24,8 | 0 | 0 |

Qua kết quả thể hiện ở bảng khảo sát trên tôi thấy số lượng học sinh đạt điểm 9,10 của lớp 5C nhiều hơn hẳn lớp 5D, học sinh đạt điểm 7,8 cũng nhiều hơn, đặc biệt không có học sinh điểm dưới 5.

**Như vậy:** Những kết quả ban đầu cho ***“Một số biện pháp dạy từ đồng âm, từ nhiều nghĩa, phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa”*** đã mang lại hiệu quả ở đơn vị tôi công tác.

**7. ĐIỀU KIỆN ĐỂ SÁNG KIẾN ĐƯỢC NHÂN RỘNG**

- Sáng kiến trên có thể áp dụng khi giảng dạy các bài về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa trong học kì I lớp 5, ngoài ra còn có thể áp dụng để bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi, giúp các em sử dụng từ đồng âm, từ nhiều nghĩa linh hoạt hơn trong cuộc sống.

- Với phạm vi đề tài này, để thực hiện tốt cần đảm bảo những yêu cầu sau:

***7.1. Cơ sở vật chất:***

-Phải đảm bảo đủ điều kiện giảng dạy và học tập như bàn ghế, bảng, ... tài liệu giảng dạy, học tập ...

***7.2. Đồ dùng học tập của học sinh***

- Học sinh phải có đủ sách giáo khoa. Đặc biệt đối với học sinh lớp 4, 5 cần có cuốn sách Từ điển Tiếng Việt, Từ điển Chính tả Tiếng Việt, ...Những cuốn sách này sẽ hỗ trợ các em tìm hiểu và nắm nghĩa của từ, cách dùng từ, ...

***7.3. Về ý thức học tập***

- Học sinh phải say mê, chịu khó tìm tòi, sáng tạo. Có ý thức học tập; biết học hợp tác theo nhóm, tổ.

***7.4. Môi trường học tập***

- Cần tổ chức nhiều đợt thi đua, hội học, rung chuông vàng ... gắn với các ngày sinh hoạt chủ điểm trong năm học để thúc đẩy phong trào học tập

**Phần 3**

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

**1.Bài học kinh nghiệm**

Sau một thời gian áp dụng vào thực tế giảng dạy ở lớp Năm, qua các kết quả kiểm tra cho thấy, đề tài đã thu được một số kết quả nhất định. Học sinh có những chuyển biến rõ rệt trong việc phân biệt nghĩa của các từ của chương trình Tiếng Việt lớp Năm. Đồng thời, bản thân tôi cũng rút ra được một số bài học như sau:

- Trước hết, người thầy phải luôn có lòng yêu nghề , yêu người, có ý thức trách nhiệm và tinh thần cầu tiến, không ngừng học hỏi và mạnh dạn áp dụng những cái mới vào trong thực tiễn giảng dạy.

- Nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của người giáo viên tiểu học là phải nắm vững đối tượng học sinh, hiểu rõ trình độ và năng lực, hoàn cảnh và sở thích của từng em cũng như tâm sinh lí lứa tuổi các em. Phân loại được học sinh, người thầy mới có thể áp dụng những phương pháp dạy học phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh, từng cá thể học sinh.

- Giáo viên phải thường xuyên nghiên cứu, dự giờ đồng nghiệp, tham dự đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn…để nắm bắt những thông tin về nội dung, phương pháp của chương trình môn Tiếng Việt. Từ đó, giáo viên mới có thể lập một kế hoạch bài học cho mình một cách khoa học, có sự tích hợp giữa kiến thức các môn học với nhau.

- Đối với giáo viên khi nhận lớp cần nắm rõ đối tượng học sinh và trao đổi với giáo viên phụ trách của năm học trước để biết được mức độ nhận thức, tiếp thu kiến thức của từng em học sinh.

- Khi đã xác định được đối tượng học sinh cần phải xây dựng kế hoạch giảng dạy cho phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Khi dạy cần có sự chuẩn bị chu đáo các phương tiện dạy và học của giáo viên và học sinh.

- Giáo viên xác định rõ mục đích yêu cầu của bài dạy,chuẩn bị đồ dùng dạy học ...

- Lấy học sinh làm trung tâm ,giáo viên là người tổ chức hướng dẫn ,mọi học sinh đều được tham gia một cách tích cực vào quá trình hoạt động học .Giáo viên cần phối hợp các phương pháp linh hoạt, uyển chuyển, khéo léo để giờ học được nhẹ nhàng ,thoải mái, kích thích tinh thần học tập của học sinh .

- Hướng hẫn học sinh tự tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức mới.

- Hướng dẫn học sinh thực hành,hình thành và rèn luyện năng trong khi học Tiếng Việt .

Đặc biệt để giúp HS phân biệt và làm đúng được yêu cầu của bài tập về từ đồng nghĩa, từ đồng âm, từ nhiều nghĩa,trong quá trình dạy học người giáo viên cần:

- Giúp học sinh xác định rõ các đặc điểm, cấu tạo của chúng về hình thức và bản chất.

- Khi dạy các bài về từ đồng nghĩa, từ đồng âm, từ nhiều nghĩa giáo viên cần bổ sung định nghĩa về từ nhiều nghĩa nữa là: “Là từ dùng một hình thức âm thanh biểu thị nhiều ý nghĩa,....chúng lập thành một trật tự, một cơ cấu nghĩa nhất định".

- Phần từ đồng âm và từ nhiều nghĩa có nhiều từ học sinh dễ nhầm lẫn và khó xác định là đồng âm hay nhiều nghĩa giáo viên cần giúp các em nhấn mạnh ở khái niệm về từ đồng âm: Chúng giống nhau là có hình thức âm thanh giống nhau nhưng đối với từ đồng âm thì nghĩa của từ hoàn toàn khác nhau; còn từ nhiều nghĩa thì ý nghĩa của các từ đó có quan hệ với nhau. Giáo viên chú ý hướng dẫn học sinh phân biệt nghĩa sau đó mới đưa ra kết luận.

- Tạo mọi điều kiện giúp HS được bộc lộ cách hiểu của mình về từ nhiều nghĩa và từ đồng âm.

- Qua các bài tập học sinh thực hành về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa giáo viên cần cho các em tự kiểm tra, kiểm tra lẫn nhau về kết quả mình đã làm được.

Là một giáo viên trực tiếp giảng dạy tôi luôn có kế hoạch:*“****Muốn đầu tư cho chất lượng mũi nhọn thì trước hết phải nâng cao chất lượng đại trà.”***

**2. Kết luận**

Dạy các nội dung về nghĩa của từ thực sự không đơn giản, nhất là phân biệt từ đồng nghĩa, từ đồng âm và từ nhiều nghĩa. Trong quá trình giảng dạy, tổ chức cho học sinh nắm được kiến thức, tôi cũng đã cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi và lựa chọn sao cho học sinh nắm kiến thức mới và vận dụng trong học tập cũng như trong cuộc sống một cách hiệu quả

Muốn làm được như vậy giáo viên phải được trang bị những tri thức về phương pháp dạy học tích cực và tạo được điều kiện để các em hoàn thành những kĩ năng cần thiết của phương pháp dạy học này.Tuỳ từng bài mà giáo viên lựa chọn áp dụng những biện pháp phù hợp để làm thế nào cho giờ học Toán đạt kết quả cao nhất.

Như vậy giáo viên luôn tự bồi dưỡng ,học hỏi đồng nghiệp,tự trau dồi kiến thức của mình để nâng cao trình độ chuyên môn ,nghiên cứu kĩ tài liệu hướng dẫn, sách giáo khoa, chuẩn kiến thức kĩ năng,...

Tuy nhiên việc rèn luyện cách nhận diện và sử dụng từ đồng âm, từ nhiều nghĩa nói riêng và rèn luyện Tiếng Việt cho học sinh nói chung là cả một quá trình cần nhiều thời gian và cần sự kiên trì, miệt mài.

**3. Đề xuất – kiến nghị**:

Hiện nay, để theo kịp với sự phát triển của thời đại đòi hỏi ngành Giáo dục & Đào tạo luôn phải vận động để có hướng đổi mới phù hợp: đổi mới ở nội dung chương trình, đổi mới về phương pháp, đổi mới về đánh giá, đổi mới về trang thiết bị dạy học, ... Do đó, tôi có một số khuyến nghị, đề xuất như sau:

***3.1. Đối với giáo viên:***

- Cần điều tra nắm chắc trình độ và khả năng học Tiếng Việt của học sinh.

- Phát huy tốt hơn phương pháp độc lập suy nghĩ, luyện tập.

- Giáo viên phải thường xuyên nghiên cứu tài liệu, sách giáo khoa, nhất là các tập san giáo dục Tiểu học như "Thế giới trong ta", "Khoa học giáo dục", ... để tìm ra phương pháp giảng dạy có chất lượng cao.

- Sớm tiếp thu các kết quả nghiên cứu của các nhà giáo dục về các môn học để vận dụng vào giảng dạy môn Tiếng Việt.

***3.2. Đối với nhà trường:***

- Cần tổ chức chuyên đề, áp dụng các sáng kiến kinh nghiệm dạy học Tiếng Việt phù hợp với điều kiện ở địa phương cho giáo viên dự, rút kinh nghiệm và thực nghiệm.

- Nhà trường cần tạo điều kiện cho giáo viên dạy học theo phương pháp đổi mới như cơ sở vật chất, tài liệu phục vụ giảng dạy cho giáo viên cũng như một số đồ dùng dạy học cần thiết.

***3.3. Đối với các cấp quản lí giáo dục:***

- Nên tiếp tục tổ chức lớp tập huấn, thực hiện chuyên đề cấp huyện, cấp cụm như năm học này huyện ta đã triển khai song mong các đồng chí lãnh đạo phòng GD&ĐT quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng những chuyên đề về các phân môn của môn Tiếng Việt để giáo viên chúng tôi có điều kiện học hỏi lẫn nhay, bổ sung vốn kiến thức kinh nghiệm cần thiết để phục vụ công tác giảng dạy.

- Cung cấp tài liệu và chuyên san kịp thời cho giáo viên nghiên cứu và học tập. Chúng tôi tin rằng những điều đó sẽ góp phần nâng cao chất lượng không những đối với học sinh mà còn đối với cả giáo viên.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**LỜI KẾT**

Phát triển trí tuệ theo từng mức độ cho học sinh ngay từ bậc tiểu học là trách nhiệm của nhà trư­ờng, là đòi hỏi của xã hội, là nỗi mong mỏi của các bậc phụ huynh và cũng là ­ước muốn của bản thân các em học sinh. Do nhiều yếu tố, mặt khác trình độ nhận thức của học sinh khác nhau nên thực sự giúp học sinh nắm các kiến thức theo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kĩ năng phải tốn nhiều thời gian và công sức, nó là cả một quá trình nỗ lực phấn đấu của thầy và trò.

Trên đây là toàn bộ những vấn đề tôi đã nghiên cứu và thực hiện tại cơ sở chúng tôi công tác. Dù mức độ thành công ch­ưa nhiều nhưng phần nào cũng giúp chúng tôi và đồng nghiệp ở tr­ường giảng dạy tốt hơn. Trên cơ sở đó mà tiếp tục tìm hiểu nghiên cứu các vấn đề về dạy Tiếng Việt trong quá trình công tác lâu dài để nâng cao năng lực nghiệp vụ.

Tuy nhiên, do năng lực có hạn, thời gian nghiên cứu ngắn nên không tránh khỏi những điều chưa hoàn thiện. Vậy qua đề tài này chúng tôi rất mong đ­ược sự đóng góp, bổ sung của các cấp lãnh đạo cũng như­ của giáo viên, nhà trường, ngành giáo dục để việc đổi mới ph­ương pháp dạy ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

*Xin chân thành cảm ơn !*

**Phần 4**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1) *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5(tập I và tập II)* - Nhà xuất bản Giáo dục.

2) *Vở Bài tập Tiếng Việt 5 (tập I và tập II)* - Nhà xuất bản Giáo dục.

3) *Sách giáo viên Tiếng Việt 5(tập I và tập II)* - Nhà xuất bản Giáo dục.

4) Trần Mạnh Hưởng – Lê Hữu Tỉnh, *188 câu hỏi về giảng dạy môn Tiếng Việt ở Tiểu học* - NXB Giáo dục

5) Lê A, *Ôn luyện kiến thức Tiếng Việt tiểu học*, Giáo dục.